

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý chi phí một số sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-B XD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 108/TTr-SXD ngày 16 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chi phí một số sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ

trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- CV VP UBND tỉnh: Đôn;
- Lưu: VT, KTN, NCC (10b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lưu Văn Bản

QUY ĐỊNH

Về quản lý chi phí một số sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày /11/2023
của UBND tỉnh Hải Dương)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng cho việc quản lý chi phí một số sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (sau đây gọi tắt là sản phẩm, dịch vụ công) trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Các sản phẩm, dịch vụ công tại quy định này gồm:

- Dịch vụ thoát nước đô thị;
- Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay;
- Dịch vụ chiếu sáng đô thị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công tại Điều 1 Quy định này; các cơ quan, các tổ chức và cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Xác định tổng dự toán, dự toán chi phí

- Tổng dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công có các khoản mục chi phí sau:
 - Dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công.
 - Chi phí giám sát.
 - Chi phí quản lý.

2. Nội dung, phương pháp xác định dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

3. Định mức dự toán; đơn giá; giá vật liệu, vật tư, nhiên liệu, nguyên liệu, năng lượng; đơn giá nhân công; giá ca máy và thiết bị thi công thực hiện theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền ban hành, công bố và mặt bằng giá thị trường tại thời điểm lập dự toán.

4. Định mức tỷ lệ chi phí quản lý chung:

Các dịch vụ: quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay; chiếu sáng đô thị: Chi phí quản lý chung tính bằng 45% chi phí nhân công trực tiếp; riêng công tác có chi phí sử dụng máy và thiết bị >60% chi phí trực tiếp, chi phí quản lý chung bằng 4,0% chi phí sử dụng máy và thiết bị.

Điều 4. Xác định chi phí giám sát và chi phí quản lý

1. Chi phí giám sát là các chi phí cần thiết để các cơ quan quản lý vốn chi trả cho các tổ chức, cá nhân giám sát việc thực hiện quản lý sản phẩm, dịch vụ công.

2. Chi phí quản lý là các chi phí cần thiết để Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức được giao quản lý vốn thực hiện việc quản lý sản phẩm, dịch vụ công. Chi phí quản lý bao gồm: Chi phí tư vấn khảo sát, đo vẽ, lập dự toán chi phí giúp cho công tác quản lý trong việc lập kế hoạch, lập dự toán ngân sách thực hiện hàng năm; các chi phí phục vụ tổ chức đấu thầu, đặt hàng; các chi phí khác phục vụ công tác quản lý của cơ quan được giao quản lý vốn.

3. Chi phí giám sát và chi phí quản lý sản phẩm, dịch vụ công được xác định bằng phương pháp lập dự toán.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức được giao quản lý vốn căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách cấp huyện, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên, mô hình quản lý cụ thể tại đơn vị để quyết định việc lập, phê duyệt và chi trả chi phí giám sát, chi phí quản lý trong nguồn kinh phí thực hiện quản lý sản phẩm, dịch vụ công hoặc giao cho các cơ quan, đơn vị chuyên môn thực hiện việc quản lý, giám sát theo hình thức kiêm nhiệm sử dụng từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các sản phẩm, dịch vụ công đã ký kết hợp đồng trước thời

điểm Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo nội dung đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích; Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước và các quy định khác có liên quan.

Điều 6. Sở Xây dựng

1. Hướng dẫn việc lập chi phí, việc áp dụng, vận dụng các định mức, đơn giá dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh.

2. Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay; Dịch vụ chiếu sáng đô thị: chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức việc điều chỉnh định mức dự toán nếu điều kiện thực tế thực hiện của địa phương có sự khác biệt so với điều kiện quy định trong hệ thống định mức dự toán do Bộ Xây dựng công bố; tổ chức xây dựng định mức đối với các công tác dịch vụ công ích của địa phương chưa có trong hệ thống định mức dự toán do Bộ Xây dựng công bố và xin ý kiến thống nhất với Bộ Xây dựng trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng.

3. Dịch vụ thoát nước đô thị: chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hao phí vật tư, nhân công, máy, thiết bị do đơn vị lập phương án giá tổ chức xác định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các công tác chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hoặc ban hành.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành những đơn giá Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay; Dịch vụ chiếu sáng đô thị chưa có trong hệ thống đơn giá sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Sở Tài chính

Hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện việc lựa chọn đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công theo quy định.

Điều 8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Hướng dẫn các đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn nhà thầu thực

hiện đúng các quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 9. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự toán sản phẩm, dịch vụ công và quyết định phương thức lựa chọn đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công.
2. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các định mức dự toán trong hệ thống định mức dự toán do Bộ Xây dựng công bố cần điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; những định mức chưa có trong hệ thống định mức dự toán do Bộ Xây dựng công bố để Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Xây dựng thực hiện.
3. Tổ chức lựa chọn và ký hợp đồng thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công với đơn vị cung ứng theo quy định của pháp luật.
4. Quản lý, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng về quy trình, khối lượng, thời gian và chất lượng thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn được giao quản lý.
5. Thỏa thuận kế hoạch thực hiện với đơn vị cung ứng dịch vụ trước khi triển khai để làm cơ sở quản lý, giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm.
6. Tổ chức tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về chấp hành và thực hiện Luật bảo vệ môi trường, các quy định của địa phương về vệ sinh môi trường đô thị.
7. Tổ chức, phân công nhiệm vụ cho các phòng ban chuyên môn trực thuộc thực hiện việc các công việc trong quản lý sản phẩm, dịch vụ công theo quy định.

Điều 10. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Tổ chức tuyên truyền sâu, rộng và thường xuyên về công tác vệ sinh môi trường đô thị để xây dựng đô thị xanh, sạch, đẹp và văn minh. Chỉ đạo các khu dân cư đưa nội dung chấp hành quy định về vệ sinh môi trường đô thị vào các cuộc họp thường xuyên của khu dân cư.
2. Kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về vệ sinh môi trường đô thị trên địa bàn.
3. Phản ánh, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn.
4. Tham gia công tác nghiệm thu các sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Điều 11. Đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ theo đúng hợp đồng đã ký kết, đảm bảo quy

trình kỹ thuật và chất lượng theo quy định.

2. Thực hiện theo kế hoạch và hợp đồng thực hiện dịch vụ hàng tháng, quý, năm do chủ đầu tư phê duyệt theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về đảm bảo an toàn lao động và an toàn giao thông trong quá trình thực hiện các dịch vụ.

4. Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý đô thị, giữ gìn, bảo vệ tài sản nhà nước trong quá trình cung ứng dịch vụ.

5. Chấp hành việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quá trình thực hiện cung ứng các dịch vụ. Phản ánh kịp thời với các cơ quan chức năng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện những tồn tại khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dịch vụ trên địa bàn.

6. Tổ chức triển khai thu tiền theo giá đối với các dịch vụ khi được cấp có thẩm quyền quy định bằng văn bản./.
